

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT

Ngày: 27 - 7 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đông;
Ông Võ Đình Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà: Phạm Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2022/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐXX-PT ngày 08 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa: 02/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty TNHH L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ku Fu T– Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Lô B1 Khu công nghiệp S, huyện L, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn T.

Địa chỉ: Số 15/12 Đường 3/4, Tổ dân phố P, phường P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tường L.

Địa chỉ: STH 26.3 Đường 18A, khu đô thị L, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 01/11/2021 tại Văn phòng công chứng Hoàng Huệ – Phạm Tuấn). Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty TNHH TM-DV T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T – Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: Số 15/12 Đường 3/4, Tổ dân phố P, phường P, thành phố C, tỉnh

Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tường L.

Địa chỉ: STH 26.3 Đường 18A, khu đô thị L, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền ngày 17/7/2020). Có mặt.

- Ông Trần Xuân L1

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn T là bị đơn.

* *Người có kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C, nội dung vụ án như sau:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2010, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/8/2010 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Công ty TNHH L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Anh N trình bày:*

Công ty TNHH L (sau đây viết tắt là Công Ty L) và Ông Nguyễn T - Chủ Đại lý Thức ăn tôm Post T có quan hệ kinh doanh sản phẩm thức ăn tôm post theo Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT/P ngày 02/01/2009 (sau đây viết tắt là Hợp đồng số 04/HĐKT/P). Theo đó, Công ty L cung cấp thức ăn tôm post cho Ông Nguyễn T. Quá trình mua bán, Công ty L đã giao hàng đúng thời hạn và chất lượng theo yêu cầu của bên mua. Ngày 30/01/2010, hai bên đối chiếu công nợ, ông T đã xác nhận phía ông T còn nợ Công ty L 1.172.047.036 đồng (*Một tỷ một trăm bảy mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm ba mươi sáu đồng*). Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 3/2010, phía ông T có thanh toán cho Công ty L tiền và giao trả một số hàng giá trị 424.958.680 đồng. Như vậy, ông T còn nợ Công ty L 747.088.356 đồng, toàn bộ số nợ trên là của cá nhân ông T. Công ty L đã nhiều lần thông báo thanh toán công nợ nhưng ông T vẫn không thanh toán. Công ty L yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn T là chủ Đại lý Thức ăn tôm Post T phải có nghĩa vụ trả số nợ 747.088.356 đồng (*Bảy trăm bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2010 đến ngày phiên tòa sơ thẩm (ngày 29/12/2021) với lãi suất 1,2%/tháng là 1.264.073.000 đồng, tổng cộng làm tròn 2.011.161.000 đồng.

Đối với hợp đồng ký kết với Công ty TNHH TM-DV T (sau đây viết tắt là Công Ty T) số 30/HĐKT/P ngày 01/10/2008 và số 10/HĐKT/P ngày 01/01/2010, Công ty L không tranh chấp.

Đối với yêu cầu của ông Trần Xuân L1, từ trước tới nay Công ty L không biết ông Trần Xuân L1 là ai, nguyên đơn không có quan hệ kinh doanh với ông L1, trong hồ sơ vụ án không có bất cứ tài liệu nào thể hiện giữa Công ty L và ông L1 có mối quan hệ làm ăn kinh doanh với nhau. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không liên quan đến ông L1, số nợ trên cũng không liên quan đến ông L1.

Ông Nguyễn T cho rằng số nợ trên là của ông L1 là không có căn cứ nên nguyên đơn không chấp nhận ông Trần Xuân L1 trả số nợ gốc và lãi trên.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Huỳnh Tuấn K trình bày:*

Lời trình bày của bị đơn Ông Nguyễn T về việc không chấp nhận thanh toán là không có căn cứ. Từ văn bản trả lời của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Ninh Phước khẳng định Đại lý Thức ăn tôm Post T và Hộ kinh doanh T không phải là một. Việc ông L1 xác nhận có hợp đồng mua bán với Công ty L là không có căn cứ mà chính ông T là cá nhân mua bán với Công ty L và nợ số tiền trên.

Giấy ủy quyền ngày 20/8/2008 không có giá trị pháp lý về hình thức và mâu thuẫn về nội dung, giả sử ủy quyền là có thật thì địa chỉ Đại lý Thức ăn tôm Post T và địa chỉ trong giấy ủy quyền và trong bản đối chiếu công nợ và hợp đồng là hoàn toàn khác nhau.

Về tiền nợ lãi phát sinh, trong bản trình bày ngày 25/01/2011 có yêu cầu tính lãi, không vi phạm vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu trước khi hòa giải, nhưng thời gian đã lâu ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn mới yêu cầu trả lãi phát sinh là hoàn toàn chính đáng, đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn với mức lãi suất theo Điều 306 Luật thương mại.

Từ những quan điểm trên, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hóa là 747.088.356 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2010 đến ngày hôm nay với lãi suất 1,2%/tháng là 1.264.073.000 đồng, tổng cộng làm tròn 2.011.161.000 đồng.

** Tại đơn trình bày ngày 23/8/2010 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty T là ông Nguyễn Tường L trình bày:*

Công ty T và Công ty L có ký Hợp đồng mua bán thức ăn tôm post số 30/HĐKT/P ngày 01/01/2008 và số 10/HĐKT/P ngày 01/01/2010. Sau khi nhận hàng Công ty T đã thanh toán đầy đủ và đúng theo hóa đơn giữa hai bên, Công T không còn nợ gì Công ty L.

Đối với Hợp đồng số 04/HĐKT/P và Bản đối chiếu công nợ giữa Công ty L với Đại lý Thức ăn tôm Post T (tức là Hộ kinh doanh T) ngày 30/01/2010, ông T được ông L1 là chủ hộ kinh doanh T ủy quyền, ông T chỉ là nhân viên của đại lý nhận hàng và phân phối lại cho các địa nuôi tôm các hộ dân, do đó, số nợ và tiền lãi mà Công ty L yêu cầu Ông Nguyễn T không có nghĩa vụ trả mà phải là Hộ kinh doanh T phải trả. Thực tế ông Trần Xuân L1 là chủ hộ Đại lý Thức ăn tôm Post T có xác nhận số nợ trên và đồng ý trả cho Công ty L, cá nhân Ông Nguyễn T là nhân viên không có trách nhiệm trả số nợ trên đối với Công ty L.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân L1 trình bày:* Trước đây đại lý của ông L1 có làm ăn với Công ty L, việc mua bán thức ăn tôm post qua hợp đồng, Ông Nguyễn T chỉ là nhân viên của đại lý nhận hàng và phân phối lại cho các địa nuôi tôm các hộ dân. Theo bản đối chiếu công nợ giữa Công ty L với Đại lý Thức ăn tôm Post T ngày 30/01/2010, có địa chỉ: Lô 70 Thôn H, xã A, huyện N, thành phố P, Ninh Thuận, ông T có ký vào bản xác nhận công nợ,

việc ký đó chỉ xác nhận số hàng hóa chứ không có quyền xác nhận nợ, ông L1 mới là người có quyền xác nhận nợ bao nhiêu vì ông L1 là chủ đại lý. Vì vậy, số nợ đối chiếu giữa Công ty L với Đại lý Thức ăn tôm Post T ngày 30/01/2010, do ông L1 là người đứng tên chủ đại lý nên ông L1 chịu trách nhiệm khoản nợ nguyên đơn yêu cầu. Ông L1 yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Áp dụng Điều 280; Điều 281; Điều 290; Điều 298; Điều 300; Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 8 Điều 3, Điều 24, Điều 50 Luật thương mại 2005;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Trần Xuân L1 là chủ hộ kinh doanh T và Ông Nguyễn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty L số tiền 747.088.356 đồng (*Bảy trăm bốn mươi bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng*). Cụ thể, ông Trần Xuân L1: 373.544.178 đồng và Ông Nguyễn T 373.544.178 đồng.

- Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 37.354.000 đồng. Hoàn lại cho Công ty L 16.942.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005612 ngày 09/8/2010 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C (nay là thành phố C).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/01/2022, Ông Nguyễn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án số 02/2021/KDTM-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 12/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Tường L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của Ông Nguyễn T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không có căn cứ pháp luật, việc buộc ông T và ông L1 liên đới trả nợ và buộc ông T phải chịu toàn bộ án phí là trái

pháp luật. Vì vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án số 02/2021/KDTM-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C và đình chỉ giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm trong việc giải quyết vụ án, đó là:

Xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là chưa chính xác;

Ngày 22/02/2013, Công ty L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung, Công ty L chỉ khởi kiện Ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty L, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty T phải trả nợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không đúng pháp luật;

Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, làm rõ thông tin của Đại lý Thức ăn tôm Post T thời điểm ngày 02/01/2009 (ngày ký Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT/P giữa Công ty L và Ông Nguyễn T - Chủ Đại lý thức ăn tôm post T) là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ;

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu là bản photo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/01/2010 để buộc Ông Nguyễn T có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty L số tiền 747.088.356 đồng là không đảm bảo giá trị chứng minh của chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ;

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Trần Xuân L1 và Ông Nguyễn T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty L là không đúng với chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và việc buộc ông T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là không phù hợp với quyết định về trách nhiệm trả nợ của ông T.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-KDTM ngày 12/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn T; hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-KDTM ngày 12/01/2022 và kháng cáo của ông Nguyễn T:

[2.1] Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, Công ty L yêu cầu Ông Nguyễn T là chủ Đại lý Thức ăn tôm Post T phải có nghĩa vụ trả số nợ 747.088.356 đồng theo bản photo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/01/2010 giữa Công ty L với Ông Nguyễn T - đại diện Đại lý thức ăn tôm post Toàn T, không tranh chấp hợp đồng mua bán. Như vậy, quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là chưa chính xác.

[2.2] Ngày 19/7/2010, Công ty L có đơn khởi kiện Ông Nguyễn T - Đại diện Công ty T và Đại lý Thức ăn tôm Post T trả cho Công ty L số tiền hàng còn nợ là 747.088.356 đồng.

Ngày 09/8/2010, Công ty L có Đơn khởi kiện bổ sung, xác định bị đơn là Công ty T; cùng ngày, Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án số 02/TB-TLVA, xác định bị đơn là Công ty T. Như vậy, bản chất yêu cầu của nguyên đơn và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là thay đổi yêu cầu từ khởi kiện ông Nguyễn T sang kiện Công ty T, không phải bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Ngày 22/02/2013, Công ty L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc kiện Công ty T và giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 19/7/2010 là kiện Ông Nguyễn T - Chủ đại lý thức ăn tôm post T. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết việc rút yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công Ty L, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 01/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-KDTM ngày 22/6/2021 và số: 02/2021/QĐST-KDTM ngày 07/7/2021, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định bị đơn là Công ty T là không đúng pháp luật.

Ngày 04/8/2021, Tòa án sơ thẩm ban hành Thông báo số 01/TB-TLSĐBS sửa đổi, bổ sung về việc thụ lý vụ án kinh doanh thương mại, xác định bị đơn Ông Nguyễn T, Công ty T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc sửa đổi về thay đổi tư cách tham gia tố tụng như trên là không đúng pháp luật, trong trường hợp này, Tòa án sơ thẩm căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công Ty L về yêu cầu Công ty T phải trả nợ, đồng thời, tiến hành thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Công Ty L đối với ông Nguyễn T theo quy định của pháp luật.

[2.3] Tại Giấy ủy quyền số 210/CVLH ngày 04/11/2010, Ông Ku Fu T Tổng giám đốc Công ty L ủy quyền cho ông Cao Anh N đại diện, thay mặt Ông Ku Fu T tham gia tố tụng về việc khởi kiện Công Ty T. Như nhận định tại mục [2.2], ngày 22/02/2013, Công ty L có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện Công ty T, ngày 04/8/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo số 01/TB-TLSĐBS sửa đổi, bổ sung về việc thụ lý vụ án xác định bị đơn Ông Nguyễn T nhưng vẫn để ông Cao Anh N tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là vượt quá phạm vi ủy quyền.

[2.4] Theo văn bản số 255/PTCKH-KD ngày 08/12/2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện N, tỉnh Ninh Thuận phúc đáp công văn số 2025/2020/TA ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C về việc đề nghị cung cấp thông tin của Đại lý thức ăn tôm post T, địa chỉ Lô 71, thôn H, xã A, huyện N, thì: Thời điểm ngày 30/01/2010, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện N không cấp giấy phép nào tên Đại lý thức ăn tôm post T, địa chỉ Lô 71, thôn H, xã A, huyện N. Tòa án nhân dân thành phố C chỉ yêu cầu cung cấp thông tin của Đại lý Thức ăn tôm Post T vào thời điểm ngày 30/01/2010 (ngày ký Biên bản đối chiếu công nợ), mà không yêu cầu cung cấp thông tin của Đại lý Thức ăn tôm Post T thời điểm từ ngày 02/01/2009 (ngày ký Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT/P giữa Công ty TNHH L và Ông Nguyễn T- Chủ Đại lý thức ăn tôm post T) trở về trước là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Xuân L1 là chủ hộ kinh doanh Toàn T và Ông Nguyễn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty L số tiền 747.088.356 đồng (ông Trần Xuân L1: 373.544.178 đồng; Ông Nguyễn T 373.544.178 đồng) là không có căn cứ và không phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn không yêu cầu, không chấp nhận ông L1 phải trả nợ. Tòa án sơ thẩm buộc ông T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là không phù hợp với quyết định về trách nhiệm trả nợ đối với ông Nguyễn T.

Từ nhận định tại mục [2.1] đến [2.5], Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà không thể bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-KDTM ngày 12/01/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và một phần kháng cáo của ông Nguyễn T; hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2021/KDTM-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho Ông Nguyễn T 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006769 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP C;
- VKSND TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Tuấn